



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
HOÀNG GIA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

15 Pasteur, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP HCM
ĐT: 08- 3824 7948
Fax: 08- 3824 7950

MỤC LỤC

| <i>STT</i> | <i>NỘI DUNG</i> | <i>TRANG</i> |
|------------|---------------------------------------|--------------|
| | MỤC LỤC | 1 |
| I | TỔNG QUAN VỀ ROSE | 2 |
| 1 | Thông tin khái quát | 2 |
| 2 | Quá trình phát triển | 2 |
| 3 | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 3 |
| 4 | Mô hình quản trị | 3 |
| 5 | Cơ cấu cổ đông | 3 |
| II | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM | 4 |
| 1 | Kết quả kinh doanh trong năm | 4 |
| 2 | Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 6 |
| III | ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 | 6 |
| 1 | Nhận định tình hình chung | 6 |
| 2 | Các mục tiêu chủ yếu | 6 |
| 3 | Định hướng hoạt động | 6 |
| IV | QUẢN TRỊ CÔNG TY | 7 |
| 1 | Hội Đồng Quản trị | 7 |
| 2 | Ban Kiểm soát | 7 |
| 3 | Tổng Giám Đốc | 7 |
| V | BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN | |



I. TỔNG QUAN VỀ ROSE

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Hoàng Gia (ROSE)

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán lần đầu số 51/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép thay đổi sau đó số 31/GPĐC-UBCK ngày 20/11/2014 và số 10/GPĐC-UBCK ngày 05/02/2015,

Vốn điều lệ: 55 tỷ đồng

Địa chỉ trụ sở chính: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh,

Điện Thoại: (08) 3814 7948

Fax: (08) 3824 7950

Web: www.rose.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1 Lịch sử hình thành

ROSE đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép kinh doanh số: 51/UBCNVN – GPHĐKD NGÀY 29/12/2006,

Các dịch vụ được cung cấp bao gồm:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán và các nghiệp vụ tài chính khác theo quy định hiện hành,

Vốn điều lệ ban đầu: 20 tỷ đồng,

2.2 Quá trình phát triển

- Ngày 05/06/2007, ROSE là thành viên chính thức của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh, Đây cũng là ngày đầu tiên ROSE chính thức khai trương hoạt động sau gần 6 tháng chuẩn bị các điều kiện hoạt động,
- Ngày 19/09/2007, ROSE là thành viên chính thức của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội,
- Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng theo quyết định điều chỉnh số 223/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước,
- 09/09/2009: Chính thức sử dụng công nghệ giao dịch tiên tiến TTL, một nhà cung cấp phần mềm có trụ sở chính tại Hongkong trong các dịch vụ môi giới, lưu lý, chuyển tiền online, giao dịch trực tuyến, giao dịch internet,
- 01/06/2010: Chuyển trụ sở chính từ 106 Nguyễn Huệ, Quận 1 về 15 Pasteur, Quận 1 thành phố Hồ Chí Minh,
- Tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 55 tỷ đồng theo quyết định số 10/GPĐC-UBCK ngày 05/02/2015.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1 Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

3.2 Địa bàn kinh doanh

Các tỉnh và thành phố trong cả nước

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị

- Bộ máy quản trị của ROSE gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc,
- Tổng giám đốc ROSE là người đại diện theo pháp luật của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty,

4.3 Cơ cấu bộ máy quản lý

Để tổ chức kinh doanh, ROSE tổ chức các Phòng, Ban thành 2 Khối nghiệp vụ:

- Khối Kinh doanh
Tổ chức thực hiện các nghiệp vụ môi giới mua bán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán cũng như các dịch vụ khách hàng khác.
- Khối Hỗ trợ
Thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ kinh doanh như tổ chức hạch toán kế toán, quản trị hệ thống công nghệ thông tin, pháp chế, hành chính quản trị,,,

4.3 Các công ty con, công ty liên kết: Không

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

| Stt | Chỉ tiêu | Số lượng |
|------------|-------------------------------|-----------------|
| 01 | Tổng số cổ phần đang lưu hành | 5,500,000 |
| | Trong đó: | |
| 02 | - Tự do chuyển nhượng | 5,500,000 |
| 03 | - Hạn chế chuyển nhượng | 0 |

5.3 Cơ cấu cổ đông

| Stt | Cơ cấu cổ đông | Tỷ lệ (%) |
|-----|-----------------------|-----------|
| 1 | Theo tỷ lệ sở hữu | |
| | - Cổ đông lớn | 100% |
| | - Cổ đông nhỏ | 0% |
| 2 | Theo chủ thể sở hữu | |
| | - Tổ chức | 0% |
| | - Cá nhân | 100% |
| 3 | Theo phạm vi lãnh thổ | |
| | - Trong nước | 100% |
| | - Ngoài nước | 0% |
| 4 | Theo hình thức sở hữu | |
| | - Nhà nước | 0% |
| | - Tư nhân | 100% |

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Các đợt tăng vốn cổ phần trong năm: Tăng vốn 20 tỷ đồng
- Chào bán riêng lẻ: Không,
- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: Có
- Chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền: Không,
- Phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu: Không,

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: Không,
- Liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không,

5.5 Các chứng khoán khác: Không.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Kết quả kinh doanh

1.1 Môi trường kinh doanh

Năm 2014 vẫn là năm các Công ty chứng khoán tiếp tục đối mặt với các khó khăn chồng chất, ROSE cũng không phải là ngoại lệ, Chính sách thắt chặt tiền tệ để kiềm chế lạm phát của những năm trước vẫn để lại những di chứng nặng nề cho nền kinh tế: Thị trường bất động sản vẫn đóng băng và chưa có chuyển biến tích cực, lạm phát được kiềm chế nhưng tăng trưởng tín dụng vẫn ở mức khá thấp do hoạt động doanh nghiệp còn khó khăn, việc tiếp cận vốn chưa khả quan, tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng vẫn còn đang mức khá cao, Nền kinh tế đang trên đà phục hồi nhưng vẫn còn rất chậm, tăng trưởng kinh tế vẫn còn ở mức khá khiêm tốn, dòng vốn chảy vào kênh chứng khoán sụt giảm mạnh và không ổn định, thị trường chủ yếu được nuôi dưỡng nhờ vào dòng tiền đầu cơ, lợi nhuận nhà đầu tư nhận được từ đầu tư chứng khoán khá rủi ro, Vì thế, dòng thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán ngày càng sụt giảm nghiêm trọng, đặc biệt tại các Công ty chứng khoán có quy mô nhỏ,

Đứng trước tình hình đó, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã có chi đạo kịp thời trong việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh; đồng thời triển khai các giải pháp

phòng ngừa rủi ro: kiểm tra, kiểm soát tốt hoạt động môi giới chứng khoán nhằm hạn chế tối đa rủi ro.

1.2 Kết quả kinh doanh

| Chỉ tiêu | 2013 | 2014 | Tỷ lệ (%) |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|---------------|
| 1, Doanh thu | 1,247,643,254 | 406,811,621 | 32,61 |
| - Môi giới chứng khoán | 157,812,355 | 146,419,860 | |
| - Đầu tư chứng khoán, góp vốn | 694,590 | 709,800 | |
| - Tư vấn | 200,000,000 | 0 | |
| - Lưu ký | 31,274,040 | 0 | |
| - Doanh thu khác | 668,858,199 | 242,972,189 | |
| - Thu nhập khác | 189,004,070 | 16,709,772 | |
| 2, Chi phí | 3,460,707,418 | 8,874,645,711 | 256,44 |
| - Chi phí hoạt động kinh doanh | 2,314,623,853 | 2,128,390,277 | |
| - Chi phí quản lý | 1,103,727,955 | 6,597,348,093 | |
| - Chi phí khác | 42,355,610 | 148,907,341 | |
| 3, Lợi nhuận | (2,213,064,164) | (8,467,834,090) | 382,63 |

- Tổng doanh thu của công ty năm 2014 là 406 triệu đồng, chỉ bằng 32,61% so với năm trước. Thu từ dịch vụ môi giới xấp xỉ bằng năm trước.
- Tổng chi phí của công ty năm 2014 là 8,874 tỷ đồng, tăng trên 250% so với năm trước, trong đó chi phí hoạt động kinh doanh giảm 186 triệu, tương đương 91,95%.
- Lợi nhuận:
Dù đã cắt giảm tối đa các chi phí nhưng do trích dự phòng các khoản phải thu khó đòi cao nên mức lỗ trong năm 2014 của ROSE là 8,4 tỷ đồng.

1.3 Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Đã xây dựng hoàn chỉnh các quy trình nghiệp vụ hoạt động của các phòng ban trong Công ty.
- Đã xây dựng chính sách quản lý rủi ro và quy trình quản trị rủi ro trong các hoạt động nghiệp vụ.
- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát trước, trong và sau trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ; Duy trì, đảm bảo sự kiểm tra độc lập của bộ phận kiểm soát đối với các Phòng, Ban liên quan.
- Liên tục cập nhật kiến thức, quy trình nghiệp vụ đối với cán bộ, đặc biệt là cán bộ mới tuyển dụng.
- Bộ máy công ty được tinh giảm gọn nhẹ nhưng đảm bảo hiệu quả, giảm được chi phí trong tình hình thị trường không thuận lợi.
- Hệ thống hạ tầng mạng, phần mềm được nâng cấp đảm bảo giao dịch và lưu trữ chứng khoán an toàn, hiệu quả.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | 2013 | 2014 | Ghi chú |
|---------------------|----------------|----------------|---------|
| Quy mô vốn | | | |
| - Vốn điều lệ | 35,000,000,000 | 55,000,000,000 | |
| - Tổng tài sản có | 24,482,328,024 | 43,364,770,683 | |
| - Tỷ lệ an toàn vốn | 216.28% | 237.96% | |

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

1. Nhận định tình hình chung

1.1 Tích cực:

- Việc triển khai các sản phẩm mới cho thị trường tài chính (cover warrant, các sản phẩm phái sinh khác như option, future).
- Việc mở room cho thị trường có thể được thực hiện trong quý 2-2015 sẽ là một trong những điều kiện để thu hút dòng vốn ngoại chảy vào thị trường tài chính.

1.2 Tiêu cực:

- Rủi ro chính sách của Việt Nam vẫn là một yếu tố lớn khiến nhà đầu tư không có nhiều kỳ vọng vào những lời hứa của cơ quan quản lý thị trường.
- Diễn biến thị trường các tháng cuối năm 2014 nhìn chung khẳng định xu hướng giảm của VNINDEX. Giá dầu thô giảm về dưới 60\$/thùng tạo điều kiện cho giá xăng dầu trong nước giảm theo, tuy nhiên tác động đến nền kinh tế là chưa rõ ràng do ngân sách của Nhà nước vẫn dựa vào nguồn thu chủ yếu từ bán dầu thô. Dự kiến, ngân sách sẽ thất thu ít nhất 40-50 nghìn tỉ đồng nếu giá dầu tiếp tục xoay quanh mốc 60-70\$/thùng. Mặt khác, các tác động tích cực của việc giảm giá xăng dầu sẽ có độ trễ từ 3-6 tháng đối với giá cả các mặt hàng trên thị trường.

2. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đạt được mức giá trị giao dịch trung bình 7 tỷ đồng/ngày ở mảng Môi giới và
- Tích cực thúc đẩy phát triển nghiệp vụ Tư vấn.
- Đến hết năm 2017, Công ty phấn đấu trở thành công ty chứng khoán có thị phần môi giới nằm trong top 20.

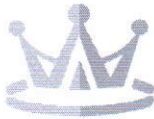
Cụ thể:

- + Năm 2016 sẽ đạt được doanh thu môi giới là 7.6 tỷ đồng/ năm
- + Năm 2017 sẽ đạt doanh thu môi giới là 15 tỷ đồng/năm hoặc có giá trị giao dịch chiếm 1.2% giá trị giao dịch của toàn thị trường.

3. Định hướng hoạt động

3.1 Xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp

- Đây là yếu tố quan trọng nhất để quyết định sự thành công của Công ty.
- Bộ phận Môi giới sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp càng sớm càng tốt, bên cạnh đó là bộ phận tư vấn với vai trò quan trọng không kém trong việc mang về doanh thu cho ROSE.
- Nhân sự tại các bộ phận còn lại sẽ tiếp tục được tuyển dụng và đào tạo trong giai đoạn từ Quý 2-2015



ROYAL SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

3.2 Xác định đối tượng khách hàng

- Tập trung vào đối tượng khách hàng là nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong nước với tiêu chí lấy chất lượng phục vụ làm yếu tố tạo nên sự khác biệt. Sau đó mở rộng ra các đối tượng khách hàng khác bao gồm nhà đầu tư cá nhân, tổ chức nước ngoài, các quỹ đầu tư...
- Tận dụng nguồn khách hàng từ Tập đoàn, khách hàng hiện hữu đang mở tài khoản tại ROSE.

3.3 Xây dựng hệ thống quy trình, quy chế và hệ thống quản trị rủi ro

- Đảm bảo các cán bộ nhân viên tác nghiệp chuẩn xác, nhanh chóng và trách nhiệm về công việc đang phụ trách.
- Yếu tố phối hợp nhịp nhàng và tiết kiệm thời gian, tài chính trong công việc vẫn phải được chú trọng.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|------------------------|----------------|
| Ông Võ Duy Đạo | Chủ tịch |
| Ông Phan Anh Tuấn | Phó Chủ tịch |
| Bà Tạ Thị Phương Trang | Thành viên |
| Ông Trần Xuân Huy | Thành viên |

2. Ban Kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------|----------------|
| Ông Hoàng Mạnh Tiến | Trưởng ban |

3. Tổng Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|------------------|----------------|
| Bà Trần Mỹ Phân | Tổng Giám đốc |

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Trần Mỹ Phân



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

| | Trang |
|--|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 1 - 2 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 3 - 4 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | |
| Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 5 - 8 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 9 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 10 - 11 |
| Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu | 12 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 13 - 25 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán lần đầu số 51/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép thay đổi sau đó số 31/GPĐC-UBCK ngày 20/11/2014 và số 10/GPĐC-UBCK ngày 05/02/2015.
- Quyết định số 354/UBCK-GP ngày 11/10/2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc điều chỉnh nội dung giấy phép thành lập ban đầu.
- Giấy chứng nhận thành viên lưu ký lần đầu số 54/GCNTVLK ngày 15/02/2007 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15/04/2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy phép do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp là 55 tỷ đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Họ tên</u> | <u>Chức danh</u> |
|------------------------|---|
| Ông Võ Duy Đạo | Chủ tịch (bổ nhiệm chức Chủ tịch và miễn nhiệm chức Phó Chủ tịch ngày 12/02/2015) |
| Ông Trần Xuân Huy | Chủ tịch (miễn nhiệm chức Chủ tịch và bổ nhiệm chức thành viên ngày 12/02/2015) |
| Ông Hồ Công Hường | Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31/07/2014) |
| Ông Phan Anh Tuấn | Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15/10/2014) |
| Ông Đoàn Nguyên Thu | Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31/07/2014) |
| Bà Tạ Thị Phương Trang | Thành viên (bổ nhiệm ngày 31/07/2014) |
| Bà Hồ Thị Cẩm Trang | Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/07/2014) |
| Bà Hồ Thị Cẩm Tú | Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/07/2014) |

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Họ tên</u> | <u>Chức danh</u> |
|---------------------|---------------------------------------|
| Ông Hoàng Mạnh Tiến | Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 15/10/2014) |

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Họ tên</u> | <u>Chức danh</u> |
|-------------------|--|
| Bà Trần Mỹ Phân | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/10/2014) |
| Ông Hồ Công Hường | Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/07/2014) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính bổ sung, sửa đổi Thông tư số 95/2008/TT-BTC và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN MỸ PHÂN



Số: 14.544D/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2015 từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính bổ sung, sửa đổi Thông tư số 95/2008/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được các thư xác nhận nợ đối với khoản mục nợ phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán với số tiền là 2,4 tỷ đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, toàn bộ số dư nợ phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán này đã được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Với tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục thay thế để có thể cho ý kiến về công nợ phải thu vào ngày 31/12/2014 nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính bổ sung, sửa đổi Thông tư số 95/2008/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HUỲNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Th. minh | Cuối năm | Đầu năm |
|--|------------|----------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 37.925.039.657 | 19.343.229.928 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 25.042.759.979 | 1.392.282.993 |
| 1. Tiền | 111 | | 23.042.759.979 | 1.392.282.993 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 2.000.000.000 | |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.3 | 2.756.900 | 20.701.500 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 4.252.590 | 23.476.633 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | (1.495.690) | (2.775.133) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 5.4 | 12.792.750.544 | 17.465.502.166 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 2.726.011.000 | 14.726.011.000 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 2.785.275.560 | 637.185.000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | | |
| 4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | 135 | | 2.441.774.295 | 2.441.774.295 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 138 | | 10.748.466.764 | 488.896.996 |
| 6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (5.908.777.075) | (828.365.125) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | | |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 86.772.234 | 464.743.269 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 6.772.234 | 38.738.663 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | | |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | | |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | | |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 80.000.000 | 426.004.606 |

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Th. minh | Cuối năm | Đầu năm |
|---|------------|----------|-----------------------|-----------------------|
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 5.439.731.026 | 5.139.098.096 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | | |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | | |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | | |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | | |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | | |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 959.784.673 | 711.584.122 |
| 1. TSCĐ hữu hình | 221 | 5.5 | 94.000.715 | |
| + Nguyên giá | 222 | | 2.997.495.100 | 2.882.215.100 |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (2.903.494.385) | (2.882.215.100) |
| 2. TSCĐ thuê tài chính | 224 | | | |
| + Nguyên giá | 225 | | | |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | | |
| 3. TSCĐ vô hình | 227 | 5.6 | 865.783.958 | 711.584.122 |
| + Nguyên giá | 228 | | 4.634.645.426 | 3.997.460.426 |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (3.768.861.468) | (3.285.876.304) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | | |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | | |
| + Nguyên giá | 241 | | | |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | 242 | | | |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.3 | 2.650.000.000 | 2.650.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | | |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | | |
| 3. Đầu tư chứng khoán dài hạn | 253 | | 2.650.000.000 | 2.650.000.000 |
| + Chứng khoán sẵn sàng để bán | 254 | | 2.650.000.000 | 2.650.000.000 |
| + Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | | |
| 4. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | | |
| 5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | | |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.829.946.353 | 1.777.513.974 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 231.221.376 | 227.104.891 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | | |
| 3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán | 263 | 5.7 | 889.931.429 | 841.615.535 |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | 5.8 | 708.793.548 | 708.793.548 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 43.364.770.683 | 24.482.328.024 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Th. minh | Cuối năm | Đầu năm |
|--|------------|----------|-----------------------|-----------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 7.913.000.329 | 562.723.580 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 7.913.000.329 | 562.723.580 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | | | |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 15.000.000 | |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | | |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 5.9 | 55.079.141 | 55.487.817 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 3.000.000 | 58.546.204 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | 44.000.000 | |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | | |
| 8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | | 20.025.340 | 84.235.268 |
| 9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 320 | 5.10 | 7.485.176.866 | 292.147.452 |
| 10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 321 | | 290.718.982 | 72.306.839 |
| 11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán | 322 | | | |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | | |
| 13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | | |
| 14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 328 | | | |
| 15. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 329 | | | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | | |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | | |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | | |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | | |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | | | |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | | |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | | |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | | |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 338 | | | |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | | |
| 10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư | 359 | | | |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 5.11 | 35.451.770.354 | 23.919.604.444 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.11.1 | 35.451.770.354 | 23.919.604.444 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 5.11.2 | 55.000.000.000 | 35.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | | |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | | |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | | |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | | |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | | |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | | |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | | |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | | |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | (19.548.229.646) | (11.080.395.556) |
| II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 43.364.770.683 | 24.482.328.024 |

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

| Chi tiêu | Mã số | Cuối năm | Đầu năm |
|---|-------|----------------|----------------|
| 5. Ngoại tệ các loại | 005 | | |
| + USD | | 25,82 | 36,82 |
| 6. Chứng khoán lưu ký | 006 | 46.699.520.000 | 55.829.800.000 |
| Trong đó: | | | |
| 6.1. Chứng khoán giao dịch | 007 | 46.676.740.000 | 53.273.990.000 |
| 6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký | 008 | 1.940.000 | 10.070.000 |
| 6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước | 009 | 43.976.300.000 | 50.665.780.000 |
| 6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài | 010 | 2.698.500.000 | 2.598.140.000 |
| 6.3. Chứng khoán cầm cố | 017 | | 2.117.680.000 |
| 6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước | 019 | | 2.117.680.000 |
| 6.5. Chứng khoán chờ thanh toán | 027 | 21.800.000 | 297.100.000 |
| 6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước | 029 | 21.800.000 | 297.100.000 |
| 6.7. Chứng khoán chờ giao dịch | 037 | 980.000 | 141.030.000 |
| 6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước | 039 | 980.000 | 124.760.000 |
| 6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài | 040 | | 16.270.000 |

NGƯỜI LẬP

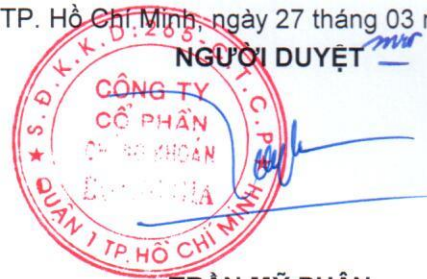


NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI DUYỆT



TRẦN MỸ PHÂN

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|----------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu | 01 | 6.1 | 390.101.849 | 1.058.639.184 |
| Trong đó: | | | | |
| - Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 01.1 | | 146.419.860 | 157.812.355 |
| - Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 01.2 | | 709.800 | 694.590 |
| - Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán | 01.3 | | | |
| - Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán | 01.4 | | | |
| - Doanh thu hoạt động tư vấn | 01.5 | | | 200.000.000 |
| - Doanh thu lưu ký chứng khoán | 01.6 | | | 31.274.040 |
| - Doanh thu khác | 01.9 | | 242.972.189 | 668.858.199 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | | |
| 3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh | 10 | | 390.101.849 | 1.058.639.184 |
| 4. Chi phí hoạt động kinh doanh | 11 | 6.2 | 2.128.390.277 | 2.314.623.853 |
| 5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh | 20 | | (1.738.288.428) | (1.255.984.669) |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 6.3 | 6.597.348.093 | 1.103.727.955 |
| 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (8.335.636.521) | (2.359.712.624) |
| 8. Thu nhập khác | 31 | | 16.709.772 | 189.004.070 |
| 9. Chi phí khác | 32 | | 148.907.341 | 42.355.610 |
| 10. Lợi nhuận khác | 40 | | (132.197.569) | 146.648.460 |
| 11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (8.467.834.090) | (2.213.064.164) |
| 12. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | | |
| 13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 6.4 | | |
| 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (8.467.834.090) | (2.213.064.164) |
| 15. Lỗ cơ bản trên cổ phần | 70 | 5.11.4 | (2.425,08) | (632,30) |

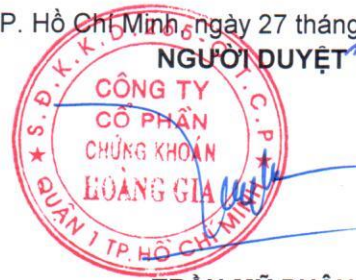
NGƯỜI LẬP



NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI DUYỆT



TRẦN MỸ PHÂN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|----------|------------------------|------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (8.467.834.090) | (2.213.064.164) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | | 504.264.449 | 658.458.596 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 5.079.132.507 | 831.140.258 |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | | |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (215.086.379) | |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 27.127.417 | |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (3.072.396.096) | (723.465.310) |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 9.890.028.384 | 760.967.579 |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | | |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 7.350.276.749 | (2.149.443.307) |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 27.849.944 | 129.885.725 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (27.127.417) | |
| Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | | |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | | |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (10.000.000.000) | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 4.168.631.564 | (1.982.055.313) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (752.465.000) | |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | | |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | | |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | | |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | | |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | | |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 234.310.422 | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (518.154.578) | |

(Phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|------------|-----------------------|------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 20.000.000.000 | |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | | |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 1.866.339.477 | |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (1.866.339.477) | |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 20.000.000.000 | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | 50 | | 23.650.476.986 | (1.982.055.313) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 1.392.282.993 | 3.374.338.306 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | | |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61) | 70 | 5.1 | 25.042.759.979 | 1.392.282.993 |

NGƯỜI LẬP



NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2015



TRẦN MỸ PHÂN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Th. minh | Số dư đầu năm | | Số tăng/giảm | | | | Số dư cuối năm | |
|---------------------------------------|----------|-----------------------|-----------------------|--------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | Năm trước | Năm nay | Năm trước | | Năm nay | | Năm trước | Năm nay |
| | | | | Tăng | Giảm | Tăng | Giảm | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 9 | 10 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 5.12.2 | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 | | | 20.000.000.000 | | 35.000.000.000 | 55.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | | | | | | | | | |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | | | | | | | | | |
| 4. Cổ phiếu quỹ | | | | | | | | | |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | | | | | | | | |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | | | | | | | | |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | | | | | | | | | |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | | | | | | | | | |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | | | | | | | | |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 5.12.1 | (8.867.331.392) | (11.080.395.556) | | 2.213.064.164 | | 8.467.834.090 | (11.080.395.556) | (19.548.229.646) |
| Tổng cộng | | 26.132.668.608 | 23.919.604.444 | | 2.213.064.164 | 20.000.000.000 | 8.467.834.090 | 23.919.604.444 | 35.451.770.354 |

NGƯỜI LẬP



NGUYỄN THỊ TÔ UYÊN

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2015



NGƯỜI DUYỆT

TRẦN MỸ PHÂN

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán lần đầu số 51/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép thay đổi sau đó số 31/GPĐC-UBCK ngày 20/11/2014 và số 10/GPĐC-UBCK ngày 05/02/2015.
- Quyết định số 354/UBCK-GP ngày 11/10/2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc điều chỉnh nội dung giấy phép thành lập ban đầu.
- Giấy chứng nhận thành viên lưu ký lần đầu số 54/GCNTVLK ngày 15/02/2007 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15/04/2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 16 (31/12/2013: 4).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính bổ sung, sửa đổi Thông tư số 95/2008/TT-BTC và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính bổ sung, sửa đổi Thông tư số 95/2008/TT-BTC.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính bổ sung, sửa đổi Thông tư số 95/2008/TT-BTC để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định; công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho nhóm máy móc thiết bị: 03 - 05 năm

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2008 cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán. Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.8 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.9 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Điều lệ của Công ty.

4.10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích đến ngày mua (được ghi giảm giá vốn chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.11 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.12 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN. Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính, Công ty thuộc đối tượng được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20% đối với doanh nghiệp hoạt động kinh doanh dịch vụ có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Thuế giá trị gia tăng:
 - + Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT;
 - + Hoạt động khác chịu thuế suất 10%.
- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

4.13 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Cuối năm | Đầu năm |
|----------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 1.871.115 | 13.875.679 |
| Tiền gửi ngân hàng | 25.040.888.864 | 1.378.407.314 |
| Trong đó: | | |
| - Tiền gửi ngân hàng của Công ty | 14.932.212.715 | 369.971.005 |
| - Tiền ký quỹ của nhà đầu tư | 8.108.676.149 | 1.008.436.309 |
| Các khoản tương đương tiền | 2.000.000.000 | - |
| Tổng cộng | <u>25.042.759.979</u> | <u>1.392.282.993</u> |

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5.2. Giá trị khối lượng thực hiện trong năm

| CHỈ TIÊU | Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm | VND Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm |
|----------------------------|--|---|
| a) Của công ty chứng khoán | - | - |
| - Cổ phiếu | - | - |
| - Trái phiếu | - | - |
| - Chứng khoán khác | - | - |
| b) Của nhà đầu tư | 6.430.310 | 64.009.289.000 |
| - Cổ phiếu | 6.430.310 | 64.009.289.000 |
| - Trái phiếu | - | - |
| - Chứng khoán khác | - | - |
| Tổng cộng | <u>6.430.310</u> | <u>64.009.289.000</u> |

(Phần tiếp theo trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.3. Tình hình đầu tư tài chính

| | Số lượng (đơn vị) | | Giá trị theo sổ sách kế toán | | So với giá thị trường | | | | Tổng giá trị theo giá thị trường | | VND |
|--|----------------------|---------------|------------------------------|----------------------|-----------------------|------------------|------------------|------------------|-------------------------------------|----------------------|-----|
| | Cuối năm | Đầu năm | Cuối năm | Đầu năm | Tăng | | Giảm | | Cuối năm | Đầu năm | |
| | | | | | Cuối năm | Đầu năm | Cuối năm | Đầu năm | | | |
| I. Chứng khoán thương mại | 194 | 2.007 | 4.252.590 | 23.476.633 | - | 3.876.843 | 1.279.443 | 6.651.976 | 2.756.900 | 20.701.500 | |
| - Cổ phiếu niêm yết | 194 | 2.007 | 4.252.590 | 23.476.633 | - | 3.876.843 | 1.279.443 | 6.651.976 | 2.756.900 | 20.701.500 | |
| Tổng cộng | 194 | 2.007 | 4.252.590 | 23.476.633 | - | 3.876.843 | 1.279.443 | 6.651.976 | 2.756.900 | 20.701.500 | |
| II. Chứng khoán đầu tư | | | | | | | | | | | |
| <i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i> | 50.000 | 50.000 | 2.650.000.000 | 2.650.000.000 | - | - | - | - | 2.650.000.000 | 2.650.000.000 | |
| - Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi | 50.000 | 50.000 | 2.650.000.000 | 2.650.000.000 | - | - | - | - | 2.650.000.000 | 2.650.000.000 | |
| Tổng cộng | 50.000 | 50.000 | 2.650.000.000 | 2.650.000.000 | - | - | - | - | 2.650.000.000 | 2.650.000.000 | |

(*) Giá trị thị trường của chứng khoán được trình bày theo giá trị sổ sách do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

(Phần tiếp theo trang 18)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.4. Các khoản phải thu ngắn hạn

| Chỉ tiêu | Số đầu năm | | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | | | Dự phòng đã trích lập |
|--|-------------------|------------------|------------------|------------------------|-------------------|-------------------|------------------|------------------|-----------------------|
| | Tổng số | Số quá hạn | Số khó đòi | Tăng | Giảm | Tổng số | Số quá hạn | Số khó đòi | |
| 1. Phải thu khách hàng | 14.726.011 | 222.000 | 222.000 | - | 12.000.000 | 2.726.011 | 2.726.011 | 2.726.011 | (2.726.011) |
| + Ông Lê Mươi | 14.500.000 | - | - | - | 12.000.000 | 2.500.000 | 2.500.000 | 2.500.000 | (2.500.000) |
| + Công ty Cổ phần Tấn Phát | 222.000 | 222.000 | 222.000 | - | - | 222.000 | 222.000 | 222.000 | (222.000) |
| + Phải thu các cá nhân khác | 4.011 | - | - | - | - | 4.011 | 4.011 | 4.011 | (4.011) |
| 2. Trả trước cho người bán | 637.185 | - | - | 3.169.276 | 1.021.185 | 2.785.276 | - | - | - |
| 3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | 2.441.774 | 2.441.774 | 2.441.774 | - | - | 2.441.774 | 2.441.774 | 2.441.774 | (2.441.774) |
| + Phải thu khách hàng về giao dịch ký quỹ | 2.076.245 | 2.076.245 | 2.076.245 | - | - | 2.076.245 | 2.076.245 | 2.076.245 | (2.076.245) |
| + Phải thu lãi Repo | 351.104 | 351.104 | 351.104 | - | - | 351.104 | 351.104 | 351.104 | (351.104) |
| + Phải thu khách hàng về phí GDCK | 14.425 | 14.425 | 14.425 | - | - | 14.425 | 14.425 | 14.425 | (14.425) |
| 4. Các khoản phải thu khác | 488.897 | 481.672 | 481.672 | 10.259.570 | - | 10.748.467 | 740.992 | 740.992 | (740.992) |
| + Phải thu về khoản tạm ứng mua nhà đất làm trụ sở Công ty với diện tích sàn từ 120 m ² trở lên theo Hợp đồng ngày 31/12/2014 | - | - | - | 10.000.000 | - | 10.000.000 | - | - | - |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 488.897 | 481.672 | 481.672 | 259.570 | - | 748.467 | 740.992 | 740.992 | (740.992) |
| Tổng cộng | 18.293.867 | 3.145.446 | 3.145.446 | 13.428.846 | 13.021.185 | 18.701.528 | 5.908.777 | 5.908.777 | (5.908.777) |

(Phần tiếp theo trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Máy móc thiết bị | ĐVT: VND | |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|--|
| | | Tổng cộng | |
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 2.882.215.100 | 2.882.215.100 | |
| Mua trong năm | 115.280.000 | 115.280.000 | |
| Số dư cuối năm | 2.997.495.100 | 2.997.495.100 | |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 2.882.215.100 | 2.882.215.100 | |
| Khấu hao trong năm | 21.279.285 | 21.279.285 | |
| Số dư cuối năm | 2.903.494.385 | 2.903.494.385 | |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu năm | - | - | |
| Tại ngày cuối năm | 94.000.715 | 94.000.715 | |

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.882.215.100 đồng.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| Khoản mục | Phần mềm máy vi tính | TSCĐ vô hình khác | ĐVT: VND | |
|-------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--|
| | | | Tổng cộng | |
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.527.435.426 | 470.025.000 | 3.997.460.426 | |
| Mua trong năm | 637.185.000 | - | 637.185.000 | |
| Số dư cuối năm | 4.164.620.426 | 470.025.000 | 4.634.645.426 | |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.148.446.306 | 137.429.998 | 3.285.876.304 | |
| Khấu hao trong năm | 482.985.164 | - | 482.985.164 | |
| Số dư cuối năm | 3.631.431.470 | 137.429.998 | 3.768.861.468 | |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 378.989.120 | 332.595.002 | 711.584.122 | |
| Tại ngày cuối năm | 533.188.956 | 332.595.002 | 865.783.958 | |

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.248.435.341 đồng.

5.7. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 07 năm 2004, Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định số 17/QĐ-TTLK ngày 02 tháng 04 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

| | VND | |
|-----------------------|--------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền nộp ban đầu | 841.615.535 | 319.100.887 |
| Tiền bổ sung hàng năm | - | 302.668.921 |
| Tiền lãi phân bổ | 48.315.894 | 219.845.727 |
| Tổng cộng | 889.931.429 | 841.615.535 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.8. Tài sản dài hạn khác

Là khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 06/2010 ROSE-HĐKT-Tn ngày 12 tháng 05 năm 2010.

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | VND | |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 1.722.347 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 55.079.141 | 53.765.470 |
| Tổng cộng | 55.079.141 | 55.487.817 |

5.10. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

| | VND | |
|---|----------------------|--------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Phải trả về thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán | 3.138.224.000 | - |
| Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán | 4.346.952.866 | 292.147.452 |
| Tổng cộng | 7.485.176.866 | 292.147.452 |

5.11. Vốn chủ sở hữu

5.11.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

| | VND | | |
|---------------------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------|
| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
| Số dư đầu năm trước | 35.000.000.000 | (8.867.331.392) | 26.132.668.608 |
| Lỗ trong năm trước | | (2.213.064.164) | (2.213.064.164) |
| Số dư đầu năm nay | 35.000.000.000 | (11.080.395.556) | 23.919.604.444 |
| Tăng vốn trong năm nay | 20.000.000.000 | - | 20.000.000.000 |
| Lỗ trong năm nay | | (8.467.834.090) | (8.467.834.090) |
| Số dư cuối năm nay | 55.000.000.000 | (19.548.229.646) | 35.451.770.354 |

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 03/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/12/2014 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty đã chào bán cổ phiếu theo tỷ lệ 7:20 cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 VND/ cổ phiếu. Mục đích của đợt phát hành là tái cấu trúc tài chính của Công ty và bổ sung vốn lưu động. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo công văn số 7198/UBCK-QLKD ngày 29/12/2014.

5.11.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

| | VND | | | |
|------------------------|-----------------------|----------------|-----------------------|----------------|
| | Cuối năm | | Đầu năm | |
| | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ |
| Ông Trần Xuân Huy | 19.600.000.000 | 35,64% | - | 0,00% |
| Ông Võ Duy Đạo | 14.700.000.000 | 26,73% | - | 0,00% |
| Bà Tạ Thị Phương Trang | 14.700.000.000 | 26,73% | - | 0,00% |
| Ông Trần Minh Tiến | - | 0,00% | 15.000.000.000 | 43,00% |
| Bà Hồ Thị Cẩm Trang | - | 0,00% | 9.000.000.000 | 26,00% |
| Ông Đoàn Nguyên Thu | 6.000.000.000 | 10,91% | 6.000.000.000 | 17,00% |
| Bà Hồ Thị Cẩm Tú | - | 0,00% | 5.000.000.000 | 14,00% |
| Tổng cộng | 55.000.000.000 | 100,00% | 35.000.000.000 | 100,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.11.3. Cổ phần

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-----------|
| ▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành | 5.500.000 | 3.500.000 |
| ▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra | 5.500.000 | 3.500.000 |
| ▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành | 5.500.000 | 3.500.000 |
| ▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần. | | |

5.11.4. Lỗ cơ bản trên cổ phần

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------------|-----------------|
| Lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty | (8.467.834.090) | (2.213.064.164) |
| Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm | 3.491.781 | 3.500.000 |
| Lỗ cơ bản trên cổ phần (EPS) | (2.425,08) | (632,30) |

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------|----------------------|
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 146.419.860 | 157.812.355 |
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 709.800 | 694.590 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn | - | 200.000.000 |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán | - | 31.274.040 |
| Doanh thu khác | 242.972.189 | 668.858.199 |
| Tổng cộng | 390.101.849 | 1.058.639.184 |

(Phần tiếp theo trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

6.2. Chi phí hoạt động kinh doanh

| | VND | |
|---|----------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên | 131.357.642 | 225.268.308 |
| Chi phí môi giới chứng khoán | 340.980.329 | 365.732.319 |
| Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 19.224.043 | - |
| Chi phí lưu ký chứng khoán | 6.979.148 | 59.880.593 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 504.264.449 | 643.046.259 |
| Chi phí vật liệu, công cụ lao động | 171.406.515 | 163.309.711 |
| Chi phí dự phòng | (1.279.443) | 2.775.133 |
| Chi phí khác | 955.457.594 | 854.611.530 |
| Tổng cộng | 2.128.390.277 | 2.314.623.853 |

6.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | VND | |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên quản lý | 504.983.547 | 88.281.612 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 27.199.103 | - |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | - | 15.412.337 |
| Thuế, phí và lệ phí | 15.351.243 | 9.770.000 |
| Chi phí dự phòng | 5.080.411.950 | 828.365.125 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 325.148.513 | 59.608.727 |
| Chi phí bằng tiền khác | 644.253.737 | 102.290.154 |
| Tổng cộng | 6.597.348.093 | 1.103.727.955 |

6.4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính, Công ty chưa có bằng chứng chắc chắn về việc sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để bù đắp các khoản lỗ tính thuế phát sinh từ các năm trước đến năm tài chính này, do vậy, Công ty không tính và trình bày tài sản thuế hoãn lại và chi phí thuế hoãn lại trong năm hiện hành.

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

| | ĐVT: triệu VND | | | | | |
|---|---------------------------|------------|----------------|------------|----------------|----------------|
| | Môi giới và tư vấn đầu tư | | Hoạt động khác | | Tổng cộng | |
| | 2014 | 2013 | 2014 | 2013 | 2014 | 2013 |
| Doanh thu | | | | | | |
| Từ khách hàng bên ngoài | 147 | 359 | 243 | 700 | 390 | 1.059 |
| Giữa các bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 147 | 359 | 243 | 700 | 390 | 1.059 |
| Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | | | |
| Kết quả của bộ phận | 147 | 359 | 243 | 700 | 390 | 1.059 |
| Chi phí không phân bổ | | | | | 8.726 | 3.418 |
| Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính | | | | | (8.336) | (2.360) |
| Lợi nhuận khác | | | | | (132) | 147 |
| Lợi nhuận trước thuế | | | | | (8.468) | (2.213) |
| Lợi nhuận sau thuế | | | | | (8.468) | (2.213) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty

Tên các bên liên quan

Mối quan hệ

Bà Trần Mỹ Phân

Tổng Giám đốc Công ty

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

| | VND | |
|---------------------|------------|------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lương Tổng Giám đốc | 76.904.000 | 48.370.080 |

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 10 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

| | VND | |
|---|-------------|-------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm | 511.915.000 | 252.235.000 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

| | VND | |
|----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Từ 1 năm trở xuống | 254.520.000 | 253.020.000 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 1.111.472.419 | 1.265.100.000 |
| Trên 5 năm | - | 88.080.887 |
| Tổng cộng | <u>1.365.992.419</u> | <u>1.606.200.887</u> |

10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

Các loại công cụ tài chính

| | VND | |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>Giá trị ghi sổ</u> | |
| | <u>31/12/2014</u> | <u>01/01/2014</u> |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 25.042.759.979 | 1.392.282.993 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 9.966.648.729 | 16.821.091.869 |
| Đầu tư ngắn hạn | 2.756.900 | 20.701.500 |
| Đầu tư dài hạn | 2.650.000.000 | 2.650.000.000 |
| Tài sản tài chính khác | 711.793.548 | 711.793.548 |
| Tổng cộng | <u>38.373.959.156</u> | <u>21.595.869.910</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Công nợ tài chính

| | | |
|---|--------------------|-------------------|
| Chi phí phải trả | 44.000.000 | - |
| Phải trả người bán | 15.000.000 | - |
| Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 290.718.982 | 72.306.839 |
| Tổng cộng | 349.718.982 | 72.306.839 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

| | Tài sản | |
|----------------|------------|------------|
| | 31/12/2011 | 01/01/2014 |
| Đô la Mỹ (USD) | 25,82 | 36,82 |

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

| | | | VND |
|---|-------------|--------------|-------------|
| 31/12/2014 | Dưới 1 năm | Từ 1 - 5 năm | Tổng cộng |
| Chi phí phải trả | 44.000.000 | - | 44.000.000 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 15.000.000 | - | 15.000.000 |
| Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 290.718.982 | - | 290.718.982 |

| 01/01/2014 | Dưới 1 năm | Từ 1 - 5 năm | Tổng cộng |
|---|------------|--------------|------------|
| Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 72.306.839 | - | 72.306.839 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | | | VND |
|--------------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| 31/12/2014 | Dưới 1 năm | Từ 1 - 5 năm | Tổng cộng |
| Đầu tư ngắn hạn | 2.756.900 | - | 2.756.900 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 9.966.648.729 | - | 9.966.648.729 |
| Tài sản tài chính khác | 3.000.000 | 708.793.548 | 711.793.548 |
| Đầu tư dài hạn khác | - | 2.650.000.000 | 2.650.000.000 |

| 01/01/2014 | Dưới 1 năm | Từ 1 - 5 năm | Tổng cộng |
|--------------------------------------|----------------|---------------|----------------|
| Đầu tư ngắn hạn | 20.701.500 | - | 20.701.500 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 16.821.091.869 | - | 16.821.091.869 |
| Tài sản tài chính khác | 3.000.000 | 708.793.548 | 711.793.548 |
| Đầu tư dài hạn khác | - | 2.650.000.000 | 2.650.000.000 |

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 27 tháng 03 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN
Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT

TRẦN MỸ PHÂN
Tổng Giám đốc